

Bản án số: 27/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 28/8/2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Phạm Thị Thu Kiều;  
2/ Ông Đặng Văn Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Bạch N

Địa chỉ: Khu dân cư số 13B, thôn T2, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Duy T

Địa chỉ: Khu dân cư số 29, thôn T, xã Đức P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2020; các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bạch N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức P, huyện M vào tháng 8/2016. Sau khi cưới vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T lăng nhăng với người phụ nữ khác, không

lo làm ăn, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 06/6/2016 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/5/2018. Hiện nay con Nguyễn Minh L đang ở với anh T; con Nguyễn Minh Q đang ở với chị, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh Q còn anh Trinh nuôi con Nguyễn Minh L, không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Trinh có tạo lập được tài sản chung là một chiếc xe mô tô hiệu VISION, có biển số kiểm soát 76G1 - 292.00 do anh Nguyễn Duy T đứng tên đăng ký sở hữu xe và hiện nay anh T đang quản lý sử dụng, trị giá của chiếc xe là 25.000.000đ, khi ly hôn chị giao xe cho anh T sở hữu, anh T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch 1/2 tài sản cho chị thành tiền là 12.500.000đ, ngoài ra vợ chồng chị không còn tài sản gì khác.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có

*Tại bản tự khai ngày 05/3/2020 bị đơn là anh Nguyễn Duy T trình bày:*

Anh và chị N kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức P, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, đến tháng 02/2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh không lo làm ăn vì ham chơi, khi sự việc xảy ra, chị N ôm con về ở nhà cha mẹ đẻ hơn một tháng nay, anh có điện thoại cho chị N nhưng chị N không nghe máy, nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý vì anh là người có lỗi với vợ nhưng anh đã sửa chữa lỗi lầm từ năm 2019 và đã xin lỗi cha mẹ vợ và được cha mẹ vợ tha thứ. Vợ chồng anh có hai con chung như chị N trình bày, nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Minh L vì anh đang nuôi con Nguyễn Minh L và giao con Nguyễn Minh Q cho chị N nuôi; không ai phải cấp dưỡng cho con

Về tài sản chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị N, năm 2017 vợ chồng anh có mua một chiếc xe mô tô hiệu VISION, anh là người đứng tên đăng ký chiếc xe và hiện anh đang quản lý sử dụng, anh thống nhất giá trị của chiếc xe là 25.000.000đ, khi ly hôn anh yêu cầu được sở hữu chiếc xe và anh sẽ bồi lại giá trị 1/2 chiếc xe tương ứng với số tiền là 12.500.000đ cho chị N, ngoài ra vợ chồng anh không còn tài sản nào khác và không có nợ ai.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị N là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn anh T; giao con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 06/6/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/5/2018 chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng cho con: Không yêu cầu; về tài

sản chung: Giao chiếc xe hiệu VISION biển số kiểm soát 76G1 - 292.00 cho anh Nguyễn Duy T được quyền sở hữu, anh T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch của tài sản là 12.500.000đ, về nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn là anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch N và anh Nguyễn Duy T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Chị N cho rằng, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với vợ con, hiện nay chị và anh T không còn sống chung; anh T thừa nhận anh có lỗi với vợ, anh không lo làm ăn còn ham chơi, anh đã xin lỗi vợ nên chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

HĐXX xét thấy: Chị N và anh T đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù, anh T không đồng ý ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để hòa giải cho anh chị được đoàn tụ nhưng anh không đến Tòa, có ý bỏ mặt và anh cũng không có một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Minh L, sinh ngày 06/6/2016 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/5/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu nuôi con Nguyễn Minh Q; anh T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh L, không ai phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy, hiện nay cháu L đang sống cùng anh T ổn định, chị N đang nuôi cháu Q nên HĐXX cần giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; không ai phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T có tài sản chung là một chiếc xe mô tô nhãn hiệu VISION, có biển số kiểm soát là 76G1 - 292.00 do anh Nguyễn Duy T đứng tên đăng ký xe mô tô, xe máy và hiện nay anh T là người đang quản lý sử dụng chiếc xe trên. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T thừa nhận chiếc xe trên là tài

sản chung của anh chị được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và anh chị thống nhất giá trị tài sản là 25.000.000đ; anh T có nguyện vọng nhận xe và thanh toán giá trị chênh lệch 1/2 chiếc xe tương ứng với số tiền là 12.500.000đ cho chị N, chị N đồng ý nên cần giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu VISION, có biển số kiểm soát là 76G1 - 292.00 do anh Nguyễn Duy T đứng tên đăng ký xe mô tô, xe máy cho anh T được quyền quản lý sử dụng; anh T có nghĩa vụ thanh toán lại  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản cho chị N bằng  $25.000.000đ : 2 = 12.500.000đ$  là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Vì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngoài ra, chị N và anh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mình được chia, cụ thể: Chị N anh T mỗi người phải chịu số tiền án phí là  $12.500.000 \times 5\% = 625.000đ$ . Tổng cộng chị N phải chịu số tiền án phí là 925.000đ nhưng chị đã nộp tạm ứng án phí số tiền 613.000đ nên được khấu trừ, chị còn phải tiếp tục nộp số tiền 312.000đ; anh T phải chịu án phí số tiền 625.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Các Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bạch N**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch N được ly hôn anh Nguyễn Duy T

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Minh L, sinh ngày 06/6/2016 cho anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Nguyễn Minh Q, sinh ngày 25/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Bạch N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng cho con.

Chị N anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu VISION, có biển số kiểm soát là 76G1 - 292.00 do anh Nguyễn Duy T đứng tên đăng ký xe mô tô, xe máy cho anh T được quyền sở hữu, sử dụng.

Anh Nguyễn Duy T có nghĩa vụ thanh toán lại  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Bạch N số tiền 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bạch N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 613.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0002555, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Chị N còn phải chịu tiếp số tiền 312.000đ (*Ba trăm mười hai nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Duy T phải chịu 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Kiều**

**Đặng Văn Minh**

**Nguyễn Thị Bích Vân**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Kiều**

**Lê Thanh Sơn**

**Nguyễn Thị Bích Vân**





